

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

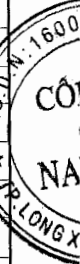
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2012

Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,211,771,633,282	1,550,502,578,848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	19,472,119,158	140,080,363,330
1. Tiền	111		12,472,119,158	14,470,459,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,000,000,000	125,609,904,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38,977,930,340	167,647,441,201
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38,977,930,340	167,647,441,201
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130	V.02	588,133,536,652	909,751,344,312
1. Phải thu của khách hàng	131		408,379,811,748	491,038,052,598
2. Trả trước cho người bán	132		80,241,638,653	14,155,693,977
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		169,129,885,549	471,161,880,930
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(69,617,799,298)	(66,604,283,193)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	553,123,404,381	294,340,155,555
1. Hàng tồn kho	141		558,490,601,702	295,389,165,328
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5,367,197,321)	(1,049,009,773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	12,064,642,751	38,683,274,450
1. Chi phí trả trước	151		30,740,000	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,149,992,187	7,343,790,173
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		9,883,910,564	31,339,484,277
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		820,085,457,689	614,463,953,135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị nội bộ	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		295,882,208,579	205,193,886,512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	37,135,196,641	44,092,776,780
- Nguyên giá	222		237,580,989,225	230,782,048,653
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(200,445,792,584)	(186,689,271,873)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	17,447,752,023	
- Nguyên giá	225		17,657,965,903	

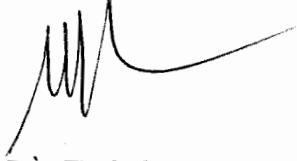


1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		155,058,551,866	132,848,126,634
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		2,031,857,090,971	2,164,966,531,983

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết		Số đầu năm
		minh		
1. Tài sản thuê ngoài		V.20	2,598,204,737	2,598,204,737
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ nhân gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			20,258,042,067	20,258,042,067
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án			52,819,359,723	52,819,359,723

Người lập biểu



Trần Thị Quý

Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh



 Tổng Giám Đốc
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


 Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Chưa hợp nhất

Quý 03/2012

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		384,362,908,275	418,182,149,650	1,117,418,373,461	1,095,358,445,740
2. Các khoản giảm trừ	02		1,211,833,441	1,443,760,399	7,992,523,896	6,885,942,008
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	383,151,074,834	416,738,389,251	1,109,425,849,565	1,088,472,503,732
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	345,148,011,408	373,418,426,200	973,778,022,946	1,001,298,494,642
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38,003,063,426	43,319,963,051	135,647,826,619	87,174,009,090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14,574,798,568	16,444,899,589	62,054,252,885	69,228,844,825
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,728,808,026	5,652,430,099	34,541,292,848	28,808,743,389
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		7,723,742,925	5,301,680,507	35,343,764,016	21,247,593,280
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,352,789,991	18,591,122,641	57,024,338,197	50,577,163,995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7,089,608,407	4,727,455,376	23,417,066,558	14,635,860,920
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 - 8 - 9]	30		21,406,655,570	30,793,854,524	82,719,381,901	62,381,085,611
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20,008,095,541	4,768,586,028	24,183,692,508	9,125,873,257
12. Chi phí khác	32	VI.8	20,094,857,152	4,910,771,373	25,647,924,177	15,938,279,829
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(86,761,611)	(142,185,345)	(1,464,231,669)	(6,812,406,572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 11 - 12 + 13)	50		21,319,893,959	30,651,669,179	81,255,150,232	55,568,679,039
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					80,613,932
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		21,319,893,959	30,651,669,179	81,255,150,232	55,488,065,107
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu

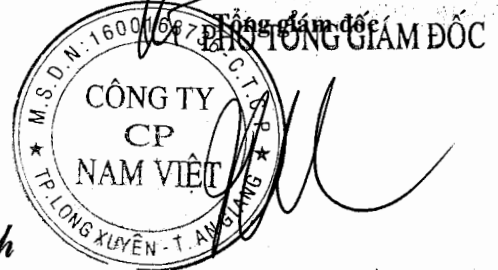

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

Ngày 20 tháng 10 năm 2012




Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 03/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		384,362,908,275	436,072,760,003
2. Các khoản giảm trừ	02		1,211,833,441	4,754,320,031
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	383,151,074,834	431,318,439,972
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	345,148,011,408	369,329,356,701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(2)	20		38,003,063,426	61,989,083,271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14,574,798,568	41,900,628,198
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,728,808,026	14,089,475,732
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		7,723,742,925	15,143,924,749
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16,352,789,991	27,612,325,130
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7,089,608,407	11,162,066,137
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		21,406,655,570	51,025,844,470
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20,008,095,541	2,966,191,360
12. Chi phí khác	32	VI.8	20,094,857,152	5,414,098,646
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(86,761,611)	(2,447,907,286)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21,319,893,959	48,577,937,184
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)	60		21,319,893,959	48,577,937,184
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Kế toán trưởng

Trần Minh

Tổng giám đốc

NGUYỄN DUY NHẬT



Nguyễn Duy Nhật

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

Quý 03/2012

(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT T	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01		1,114,054,421,265	1,076,177,385,128
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02		(1,072,532,285,501)	(809,438,133,828)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(40,380,804,812)	(13,975,254,528)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(34,018,425,574)	(21,405,082,588)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,623,395,414,159	1,732,081,240,668
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,751,295,741,228)	(1,668,055,854,475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(160,777,421,691)	295,384,300,377
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21		-	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(203,997,886,071)	(189,737,735,785)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		186,709,807,039	66,713,051,428
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(57,108,000,000)	(27,554,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4,000,000,000	370,583,700
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,569,043,049	6,370,369,502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68,827,035,983)	(143,837,731,155)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,792,505,079,790	605,538,966,500
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,683,495,543,834)	(612,644,790,622)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(57,016,439,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		109,009,535,956	(64,122,263,822)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(120,594,921,718)	87,424,305,400
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		140,080,363,330	69,543,874,576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(13,322,454)	11,602,708
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V01	19,472,119,158	156,979,782,684

Người lập

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

Ngày 20 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
 - Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước
 - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương thực hiện sản xuất thành phẩm cá tra cho Công ty.
 - Công ty có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH Đại Tây Dương thực hiện sản xuất thành phẩm gelantin cho công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT- BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

6. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê tài sản đó.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền mặt	935,826,216	3,735,528,043
Tiền gửi ngân hàng	11,536,292,942	10,734,931,287
Các khoản tương đương tiền	7,000,000,000	125,609,904,000
Cộng	<u>19,472,119,158</u>	<u>140,080,363,330</u>

2. Các khoản phải thu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Phải thu trong nước (*)	195,190,593,691	217,695,044,220
Phải thu nước ngoài (*)	213,189,218,057	273,695,044,220
Trả trước người bán (**)	80,241,638,653	14,155,693,977
Các khoản phải thu khác (***)	169,129,885,549	471,161,880,930
Dự phòng phải thu khó đòi	(69,617,799,298)	(66,604,283,193)
Cộng	<u>588,133,536,652</u>	<u>909,751,344,312</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu trong nước và nước ngoài

	<u>30/09/2012</u>
<i>Phải thu tiền bán thành phẩm</i>	287,630,247,894
<i>Phải thu bán phụ phẩm</i>	999,845,380
<i>Phải thu bán gelatin</i>	403,053,794
<i>Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ DTD</i>	94,664,858,360
<i>Thu từ thanh lý nguyên vật liệu</i>	11,512,195,051
<i>Thu từ bán tài sản, lãi vay từ cromit</i>	13,076,141,880
<i>Thu khác</i>	93,469,389
Cộng	<u>408,379,811,748</u>

(**) Chi tiết các khoản trả trước người bán

	<u>30/09/2012</u>
<i>Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá</i>	12,169,829,940
<i>Mua xe nâng dầu</i>	693,000,000
<i>Nhập khẩu hóa chất</i>	2,366,269,080
<i>Nhập hàng trả về</i>	2,727,049,613
<i>Lắp đặt nhà máy chế biến thức ăn</i>	11,820,893,598
<i>Lắp đặt trạm biến áp Vùng nuôi Mỹ Thới</i>	3,372,818,000
<i>Sửa chữa, lắp đặt kho lạnh, cáp điện</i>	1,974,669,520
<i>Lắp đặt lò hơi nhà máy chế biến thức ăn</i>	2,230,800,000
<i>Ứng trước cho người bán cá</i>	420,000,000
<i>Mua máy bơm vùng nuôi</i>	1,708,355,200
<i>Mua vật tư sửa chữa vùng nuôi</i>	1,376,813,604
<i>Cước tàu</i>	361,102,896
<i>Đầu tư nuôi cá</i>	34,099,028,930
<i>Mua thức ăn cho cá</i>	1,786,606,500
<i>Thuê đất VN ngọc sinh</i>	930,000,000
<i>Tham gia hội chợ</i>	355,599,999
<i>Ứng tiền gia công gelatin</i>	1,103,889,020
<i>Tiền điện, đánh giá tiêu chuẩn vùng nuôi</i>	201,723,500
<i>Mua vật tư và các loại khác</i>	543,189,253
Cộng	<u>80,241,638,653</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(***) Chi tiết các khoản phải thu khác

	<u>30/09/2012</u>
Cấp vốn Ân Độ Dương	145,212,642,706
Tiền vận chuyển	1,174,529,135
Tiền, vật tư	7,531,777,007
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu phải thu	8,939,682,917
Phải thu BHXH	160,935,400
Đầu tư nuôi cá	3,265,384,575
Các khoản phải thu khác	801,330,615
Chi hộ cước vận chuyển	69,435,270
Lương và BH công ty thành viên	1,962,127,326
Thuế TNCN	12,040,598
Cộng	<u>169,129,885,549</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Nguyên vật liệu	39,515,610,023	17,722,457,198
Công cụ dụng cụ	1,156,113,136	1,518,134,129
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của phân xưởng bao bì	670,737,237	279,618,618
Chi phí sản xuất dở dang của cá nguyên liệu tại các vùng nuôi	279,047,085,727	125,774,174,764
Thành phẩm	218,561,593,546	150,094,780,619
Hàng hóa mua ngoài	19,539,462,033	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5,367,197,321)	(1,049,009,773)
Cộng	<u>553,123,404,381</u>	<u>294,340,155,555</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tạm ứng mua hàng khác	1,690,346,372	4,908,034,601
Mua đất	6,047,455,481	747,937,760
Mua cá giống	1,792,423,444	22,621,713,621
Ký quỹ	353,685,267	3,061,798,295
Thuế GTGT được khấu trừ	2,149,992,187	7,343,790,173
Chi phí trả trước ngắn hạn	30,740,000	
Cộng	<u>12,064,642,751</u>	<u>38,683,274,450</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày <u>31/12/2011</u>	<u>80,493,549,939</u>	<u>128,709,051,064</u>	<u>14,001,372,268</u>	<u>7,578,075,382</u>	<u>230,782,048,653</u>
Tăng trong kỳ	273,572,543	22,396,268,661	2,183,971,687	725,174,126	25,578,987,017
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	1,122,080,542	17,657,965,903			18,780,046,445
Giảm khác					
Tại ngày <u>30/09/2012</u>	<u>79,645,041,940</u>	<u>133,447,353,822</u>	<u>16,185,343,955</u>	<u>8,303,249,508</u>	<u>237,580,989,225</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày <u>31/12/2011</u>	<u>59,845,835,708</u>	<u>108,671,902,453</u>	<u>11,554,228,932</u>	<u>6,617,304,780</u>	<u>186,689,271,873</u>
Tăng trong kỳ	4,007,804,513	9,428,392,248	988,640,998	452,742,821	14,877,580,580
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	1,122,080,542				1,122,080,542
Giảm khác					
Tại ngày <u>30/09/2012</u>	<u>62,731,559,679</u>	<u>118,100,294,701</u>	<u>12,542,869,930</u>	<u>7,071,068,464</u>	<u>200,445,792,584</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	<u>20,647,714,231</u>	<u>20,037,148,611</u>	<u>2,447,143,336</u>	<u>960,770,602</u>	<u>44,092,776,780</u>
Số dư cuối quý	<u>16,913,482,261</u>	<u>15,347,059,121</u>	<u>3,642,474,025</u>	<u>1,232,181,044</u>	<u>37,135,196,641</u>

6. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày <u>31/12/2011</u>		
Tăng trong kỳ	17,657,965,903	17,657,965,903
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <u>30/09/2012</u>	<u>17,657,965,903</u>	<u>17,657,965,903</u>
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày <u>31/12/2011</u>		
Tăng trong kỳ	210,213,880	210,213,880
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <u>30/09/2012</u>	<u>210,213,880</u>	<u>210,213,880</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm		
Số dư cuối quý	<u>17,447,752,023</u>	<u>17,447,752,023</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.183.967.822</u>	<u>409.231.000</u>	<u>16.593.198.822</u>
Tăng trong kỳ	42,999,000,000		42,999,000,000
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/09/2012	<u>59.182.967.822</u>	<u>409.231.000</u>	<u>59.592.198.822</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2011		<u>222.079.000</u>	<u>222.079.000</u>
Tăng trong kỳ		35,091,000	35,091,000
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/09/2012		<u>257.170.000</u>	<u>257.170.000</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	<u>16.183.967.822</u>	<u>187.152.000</u>	<u>16.371.119.822</u>
Số dư cuối quý	<u>59.182.967.822</u>	<u>152.061.000</u>	<u>59.335.028.822</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2011	<u>144,729,989,910</u>	
Tăng trong kỳ	108,930,386,394	
Giảm trong kỳ	71,696,145,211	
Tại ngày 30/09/2012	<u>181,964,231,093</u>	
	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
<i>Chi phí mua đất vùng nuôi</i>	138,564,426,471	97,812,349,294
<i>Mua đất khu bệnh xá công an</i>	-	40,405,130,600
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	22,190,437,566	
<i>Chi phí khác</i>	3,014,659,333	6,512,510,016
	<u>181,964,231,093</u>	<u>144,729,989,910</u>

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Đầu tư vào công ty con (1*)	128,000,000,000	128,000,000,000
Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh (2*)	144,987,500,000	39,150,000,000
Đầu tư chứng khoán (3*)	146,406,860,000	155,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	98,504,000,000	98,504,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

DP giảm giá ĐTTC dài hạn	(5,965,411,578)	(11,887,176,000)
Công	511,932,948,422	408,966,824,000

(*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Công ty TNHH Ấn Độ Dương -100% vốn điều lệ	36,000,000,000		
2-Công ty TNHH Cromit Nam Việt – 51% vốn điều lệ	92,000,000,000		
(2*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM – 39%	144,987,500,000		
(3*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	11,406,860,000	1,120,686	10,000
2- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(4*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quý Hùng Việt	5,000,000,000	-	-
5- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000	-	-

10. Tài sản dài hạn khác

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	303,242,623	303,242,623
Chi phí thuê đất vùng nuôi chờ phân bổ	4,955,000,000	
Chi phí chờ phân bổ khác	5,328,258,065	
Ký quỹ thuê tài chính	1,683,800,000	
Công	12,270,300,688	303,242,623

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	176,794,253,000	185,303,977,135
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	79,649,833,588	31,000,000,000
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Châu Đốc	75,981,525,626	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –CN AG	110,100,000,000	123,145,200,000
Ngân hàng Á Châu – CN TP.HCM		
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	-	12,560,980,478
Cá nhân – Doãn Tới	30,948,528,844	3,703,889,000
Thuê tài chính - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	611,525,125	
Công	474,085,666,183	355,714,046,613

12. Phải trả người bán

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Phải trả trong nước	65,980,163,099	338,231,056,188
Phải trả nước ngoài	7,073,704,201	126,753,279
Công	73,053,867,300	338,357,809,467

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*) Chi tiết khoản phải trả người bán

	<u>30/09/2012</u>
Phí gia công thức ăn	2,214,975,040
Mua cá nguyên liệu	60,085,330,400
Mua máy bơm, hút sinh	100,419,950
Lắp đặt máy điều hòa, tủ đông	710,234,800
Mua máy móc thiết bị	
Mua thuốc cho cá	1,782,468,162
Bể xử lý nước thải	416,060,000
Thu hộ ủy thác	229,406,185
Lắp đặt dây chuyền nhà máy Chế biến thức ăn	7,073,704,201
Chi phí đào ao nuôi cá	257,504,550
Các khoản trả khác	183,764,012
Công	<u>73,053,867,300</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Khách hàng trong nước (*)	9,763,244,439	3,319,643,707
Khách hàng nước ngoài (*)	8,169,700,948	8,437,011,356
Công	<u>17,932,945,387</u>	<u>11,756,655,063</u>

(*) Chi tiết khoản người mua trả tiền trước

	<u>30/09/2012</u>
Bán thành phẩm cá fille	9,994,371,078
Bán phụ phẩm	1,309,966,650
Bán tài sản	6,553,722,659
Các khoản trả trước khác	74,885,000
Công	<u>17,932,945,387</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuế xuất nhập khẩu	683,271,882	550,720,265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,973,883,885	3,973,883,885
Thuế thu nhập cá nhân	533,017,836	105,526,939
Thuế GTGT đầu ra	-	
Công	<u>5,190,173,603</u>	<u>4,630,131,089</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mở cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa, thức ăn nuôi cá	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

15. Phải trả người lao động

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	5,169,552,681	3,491,532,668
Công	<u>5,169,552,681</u>	<u>3,491,532,668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Vật tư hàng hóa khác tạm nhập	6,200,468,435	3,835,071,407
Mua hóa chất	1,796,492,360	
Mua thức ăn, thuốc cho cá	1,033,237,664	30,400,256,126
Mua túi pe	1,645,020,200	
Mua nguyên liệu giấy sản xuất bao bì	2,253,560,200	
Mua bã đậu nành chế biến thức ăn cho cá	14,730,006,259	
Mua cá giống	-	22,621,713,621
Bảo hiểm phải nộp	583,326,872	555,291,854
Cổ tức phải trả	922,789,500	811,843,200
Phải trả vận chuyển	300,800,000	
Phải trả phải nộp khác	1,981,233,661	2,126,104,022
Cộng	<u>31,446,935,151</u>	<u>60,350,280,230</u>

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>30/09/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuê tài chính dây chuyền chế biến thức ăn- cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	16,008,519,834	
Cộng	<u>16,008,519,834</u>	

18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Tại ngày 31/12/2011	<u>1,516,213,116</u>
Số trích lập trong kỳ	
Số chi trong kỳ	298,237,915
Tại ngày 30/09/2012	<u>1,217,975,201</u>

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>27,417,629,848</u>	<u>132,848,126,634</u>
Tăng trong kỳ				82,958,116,204
Giảm trong kỳ				60,747,690,972
Số dư tại ngày 30/09/2012	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>27,417,629,848</u>	<u>155,058,551,866</u>

Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	66.000.000 CP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Doanh thu thuần bán thành phẩm	326,495,163,314	378,385,670,906
Doanh thu thuần bán phụ phẩm	53,241,280,012	38,245,130,033
Doanh thu thuần bán thành phẩm gelatin	2,538,131,168	107,588,312
Doanh thu thuần bán nguyên liệu cá	876,500,340	
Cộng	<u>383,151,074,834</u>	<u>416,738,389,251</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Giá vốn bán thành phẩm	287,796,796,543	336,381,639,871
Giá vốn bán phụ phẩm	54,742,772,320	36,928,770,993
Giá vốn thành phẩm gelatin	1,242,227,945	108,015,336
Giá vốn nguyên liệu cá	1,366,214,600	
Giá vốn quặng và ferocrom		
Cộng	<u>345,148,011,408</u>	<u>373,418,426,200</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	902,090,028	8,560,497,233
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13,177,520,000	5,680,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	438,862,865	2,204,402,356
Doanh thu lãi cho vay cá nhân	56,325,675	
Cộng	<u>14,574,798,568</u>	<u>16,444,899,589</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Lãi vay	7,723,742,925	5,301,680,507
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,065,101	350,749,592
Dự phòng đầu tư tài chính		
Cộng	<u>7,728,808,026</u>	<u>5,652,430,099</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Cước tàu, vận chuyển	10,635,385,439	13,283,110,562
Chi phí lương nhân viên	489,959,000	
Chi phí kiểm hàng	888,098,600	
Chi phí bốc hàng	734,093,833	
Chi phí hoa hồng môi giới	1,851,661,627	
Chi phí ngân hàng	443,471,436	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí khác	1,310,120,056	5,308,012,079
Cộng	16,352,789,991	18,591,122,641

6. Chi phí QLDN

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Khấu hao	464,726,281	791,797,609
Chi phí quản lý khác	2,689,084,732	1,710,867,257
Chi phí xăng dầu	332,630,006	
Chi phí lương nhân viên	2,803,446,264	2,224,790,510
Chi phí ngân hàng	787,797,314	
Chi phí đào tạo	11,923,810	
Dự phòng nợ khó đòi		
Cộng	7,089,608,407	4,727,455,376

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Thu từ bán thanh lý tài sản	17,657,965,903	970,932,927
Thu nhập khác	2,350,129,638	3,797,653,101
Cộng	20,008,095,541	4,768,586,028

8. Chi phí khác

	<u>Quý III năm 2012</u>	<u>Quý III năm 2011</u>
Chi phí thanh lý tài sản	17,657,965,903	179,364,188
Chi phí khấu hao tài sản	2,220,028,683	3,767,376,427
Chi phí lương, bảo hiểm phải trả		
Chi phí khác	216,862,566	964,030,758
Cộng	20,094,857,152	4,910,771,373

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Công ty vay của Doãn Tới	32,739,386,000	-
Các cá nhân có liên quan khác		
Lãi cho vay	(222,643,807)	

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	142,223,076	777,266,883
Cộng nợ phải thu	142,223,076	777,266,883
Công ty vay của Doãn Tới	30,948,528,844	3,703,889,000
Cộng nợ phải trả	30,948,528,844	3,703,889,000

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty của thành viên gia đình Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty của thành viên gia đình Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	15,444,795	
Lãi cho vay	4,848,761	
Đầu tư mua đất vùng nuôi	12.418.397.693	
Ứng tiền gia công thành phẩm	1,690,000,000	
Ứng mua tài sản	2,713,000,000	
Cho vay	-	
Chi hộ	73,229,910	
Chi phí gia công	1,330,468,156	
Mua sản phẩm	7,334,554,762	
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	-	
Chi phí khác	-	
Thu hộ	1,525,412	
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	96,203,009,882	
Ứng tiền gia công	53,573,656,000	
Lãi cho vay	8,418,665	
Cho vay	-	
Chi hộ	1,770,358,850	
Chi phí gia công	167,044,954,185	
Mua thành phẩm, bao bì	988,177,382	

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí xây dựng cơ bản	637,123,005	
Chi phí vùng nuôi	191,987,221	
Mua khác	724,519,487	
Mượn tiền	1,687,068,000	
Nhận tiền vay	6,457,320,000	
Chi phí lãi vay	129,878,905	
Chuyển lợi nhuận	50,000,000,000	
Thu hộ	2,234,852	
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Bán tài sản	-	
Chi hộ	186,458,592	
Lãi cho vay	997,314,776	
Cho vay	87,121,400,000	
Mua hàng hóa	-	
Thu hộ	26,048,704	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	686,249,679	151,902,179,082
Phải thu phí xuất khẩu ủy thác	10,060,252,247	
Tiền, vật tư cho mượn khác	11,512,195,051	
Phải thu các khoản trả hộ	84,604,606,113	
Cho vay	-	171,059,016
Phải thu khác	3,524,959,998	
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Cho mượn tiền	145,212,642,706	450,000,000,000
Phải thu khác	4,875,744,047	4,863,912,197
Phải thu bán thành phẩm	20,613,017,496	
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng		800,156,396
Phải thu lãi cho vay	12,943,108,039	11,968,841,967
Cho vay	37,000,000,000	99,250,065,445
Phải thu lương và bảo hiểm trả hộ	1,962,127,326	
Phải thu khác	158,033,841	1,800,668,734
Cộng nợ phải thu	333,152,936,543	720,756,882,837
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229,406,185	229,406,185
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	24,848,500	301,545,368,438
Phải trả tiền vay	-	12,560,980,478
Phải trả khác	580,000	580,000
Cộng nợ phải trả	254,834,685	314,336,335,101

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính


Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

An Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2012

Lập biểu **Trần Thị Quý**

Kế toán trưởng **Trần Minh Cảnh**

Tổng giám đốc **Nguyễn Duy Nhứt**



T.C.P. ★